

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 12 - 9 - 2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm

Bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk: Ông Ngụ Văn Minh- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số: 21/2024/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 20/2024/HNGĐ-ST ngày 03/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đăk Lăk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện D, tỉnh Đăk Lăk (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện D, tỉnh Đăk Lăk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:**

- Về hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Xuân C đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã TG, huyện KN, tỉnh Đăk Lăk vào ngày 10/01/2005. Trong quá trình chung sống, thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên hay xảy ra cãi vã, ông C thường xuyên uống rượu thì hay chửi bới, đánh đập vợ con, đến ngày 30/12/2023 thì mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng dẫn đến tôi phải bỏ nhà ra thuê nhà trọ ở, không dám về nhà từ đó cho đến nay. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Mục đích hôn nhân

không đạt được và tình cảm không còn nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Năng giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Xuân C

Về con chung: Chúng tôi có 04 con chung là cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 08/01/2006; cháu Nguyễn Ngọc Bích T, sinh ngày 17/10/2007; cháu Nguyễn Xuân H1, sinh ngày 19/01/2016; cháu Nguyễn Ngọc Kim L, sinh ngày 05/5/2019.

Tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim L, sinh ngày 05/5/2019 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Tôi đồng ý giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bích T, sinh ngày 17/10/2007; cháu Nguyễn Xuân H1, sinh ngày 19/01/2016 cho ông Nguyễn Xuân C trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung cho đến khi đủ 18 tuổi.

Đối với cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 08/01/2006 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Nguyễn Xuân C trình bày:**

Qua phần trình bày của bà Lê Thị N là đúng sự thật. Tôi và bà Lê Thị N đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện tại UBND xã TG, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/01/2005. Trong quá trình chung sống, thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do tôi có uống rượu vào thì vợ chồng xảy ra cãi nhau, đến ngày 30/12/2023 thì có mâu thuẫn vợ chồng nên vợ tôi đã bỏ nhà đi từ thời gian đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn nên bà N đề nghị ly hôn với tôi thì tôi đồng ý. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Xuân C thay đổi ý kiến là không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 04 con chung là cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 08/01/2006; cháu Nguyễn Ngọc Bích T, sinh ngày 17/10/2007; cháu Nguyễn Xuân H1, sinh ngày 19/01/2016; cháu Nguyễn Ngọc Kim L, sinh ngày 05/5/2019.

Tôi có nguyện vọng nuôi dưỡng và chăm sóc 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bích T, sinh ngày 17/10/2007; cháu Nguyễn Xuân H1, sinh ngày 19/01/2016; cháu Nguyễn Ngọc Kim L, sinh ngày 05/5/2019 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Đối với cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 08/01/2006 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2024/HNGĐ-ST ngày 03/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 144, 147, 191, 195; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Lê Thị N được quyền ly hôn với ông Nguyễn Xuân C.

2. Về con chung:

Giao con chung cháu Nguyễn Ngọc Bích T, sinh ngày 17/10/2007 và cháu Nguyễn Xuân H1, sinh ngày 19/01/2016 cho ông Nguyễn Xuân C trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim L, sinh ngày 05/5/2019 cho bà Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Xuân C, bà Lê Thị N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Đối với cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 08/01/2006 đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông C, bà N không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn giải quyết về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/6/2024, bị đơn ông Nguyễn Xuân C kháng cáo một phần bản án về con chung. Đề nghị cấp phúc thẩm giao cả ba con chung cho ông C được nuôi dưỡng vì bà N chưa có điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá đại diện Viện kiểm sát cho rằng, kháng cáo của ông Nguyễn Xuân C là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Xuân C, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2024/HNGĐ-ST ngày 03/6/2024, của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu

chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Xuân C trong hạn luật định, ông C đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Xuân C, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Nguyễn Xuân C và bà Lê Thị N có 04 con chung là cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 08/01/2006; cháu Nguyễn Ngọc Bích T sinh ngày 17/10/2007; cháu Nguyễn Xuân H1, sinh ngày 19/01/2016; cháu Nguyễn Ngọc Kim L, sinh ngày 05/5/2019.

Ông C, bà N đều có công việc và có thu nhập. Cháu Nguyễn Ngọc Bích T, sinh ngày 17/10/2007 và cháu Nguyễn Xuân H1, sinh ngày 19/01/2016 có nguyện vọng ở với bố nên Tòa án cấp sơ thẩm giao hai cháu T, H1 cho ông Nguyễn Xuân C trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp.

Đối với cháu Nguyễn Ngọc Kim L, sinh ngày 05/5/2019 hiện tuổi còn nhỏ, cần phải có sự chăm sóc của người mẹ, bản thân bà N cũng có nguyện vọng chăm sóc cháu L. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu L cho bà Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là phù hợp.

Ông C kháng cáo cho rằng bà N không có điều kiện để chăm sóc con chung nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân C – Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2024/HNGĐ-ST ngày 03/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Xuân C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0011677 ngày 04/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Xuân C - giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 20/2024/HNGĐ-ST ngày 03/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các điều 144, 147, 191, 195; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Lê Thị N được quyền ly hôn với ông Nguyễn Xuân C.

2. Về con chung:

Giao con chung cháu Nguyễn Ngọc Bích T, sinh ngày 17/10/2007 và cháu Nguyễn Xuân H1, sinh ngày 19/01/2016 cho ông Nguyễn Xuân C trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Kim L, sinh ngày 05/5/2019 cho bà Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Xuân C, bà Lê Thị N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Đối với cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 08/01/2006 đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không đặt ra để xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông C, bà N không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0002470 ngày 04/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Xuân C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0011677 ngày 04/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện KN;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng